

Bản án số: 159/2019/HS-PT

Ngày: 09-10-2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG**

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

- ***Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:*** Ông Nguyễn Huỳnh Đức;

- ***Thẩm phán thành viên:*** Ông Bùi Ngọc Thạch;

Ông Trần Văn Luông.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Lê Thị Thùy - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương.

- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Phương Dung - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 03 và 09 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 155/2019/TLPT-HS ngày 06/8/2019 đối với bị cáo Bồ Thị Thu T. Do có kháng cáo của bị cáo Bồ Thị Thu T đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 148/2019/HS-ST ngày 26 tháng 6 năm 2019 của Tòa án nhân dân thị xã T, tỉnh Bình Dương.

- ***Bị cáo có kháng cáo:***

Bồ Thị Thu T, sinh năm 1979, tại tỉnh Bình Dương; hộ khẩu thường trú: Số E3/5, khu phố B 2, phường G, thị xã T, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: Không, trình độ văn hóa: 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Bồ Văn T và bà Nguyễn Thị Đ, bị cáo có chồng tên Bùi Văn C(đã ly hôn) và Đỗ Văn H(đã ly hôn) và 01 người con, sinh năm 1997; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị bắt, tạm giữ, tạm giam ngày 19/11/2017 cho đến nay, bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Người bào chữa cho bị cáo Bồ Thị Thu T:

1. Ông Phạm Công H– Luật sư Công ty Luật TNHH MTV C và C thuộc Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh, có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. Ông Nguyễn Châu H– Luật sư Công ty Luật TNHH MTV C và C thuộc Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh, có mặt.

Bị hại:

1. Bà Lê Thị Hồng B, sinh năm 1985; hộ khẩu thường trú: Số 66B, đường C, phường 10, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh; chỗ ở: Số 74/1, khu phố I B, phường G, thị xã T, tỉnh Bình Dương, có mặt.

2. Bà Phạm Thị Ngọc M, sinh năm 1979; hộ khẩu thường trú: Số 74/1, khu phố I B, phường G, thị xã T, tỉnh Bình Dương, có mặt.

Những người tham gia tố tụng khác:

1. Nguyễn Trung K, sinh năm 1988 tại tỉnh Bắc Giang – Hiện đang chấp hành án tại Trại giam An Phước, có mặt.

2. Nguyễn Quang V, sinh ngày 03/12/1999 tại Thành phố Hà Nội - Hiện đang chấp hành án tại Trại giam An Phước, có mặt.

4. Ngô Minh Đ(tên gọi khác: Châu), sinh năm 1995, tại tỉnh Bình Dương; nơi cư trú: Số 167/44, tổ 2, khu 9, phường M, thành phố N, tỉnh Bình Dương, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Từ khoảng tháng 6/2016, Lê Thị Hồng B có nợ tiền hụi của Bồ Thị Thu T số tiền 400.000.000 đồng, mỗi tháng Hồng B trả 20.000.000 đồng cho Bồ Thị Thu T. Đến đầu tháng 10/2017, Hồng B còn nợ Bồ Thị Thu T 180.000.000 đồng. Do có nhu cầu mượn thêm tiền để làm ăn nên Hồng B hỏi mượn thêm Bồ Thị Thu T số tiền 50.000.000 đồng. Bản thân Bồ Thị Thu T biết Hồng B mua nhà, đất của Phạm Thị Ngọc M (đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất) và Bồ Thị Thu T cũng quen biết bà Phạm Thị Ngọc M. Bồ Thị Thu T muốn lấy nhanh số tiền Hồng B còn nợ và muốn chuyển số nợ của Hồng B đối với Bồ Thị Thu T qua thành số nợ đối với bà Phạm Thị Ngọc M. Nên Bồ Thị Thu T giả vờ cho Hồng B mượn 200.000.000 đồng với điều kiện người đứng tên giấy mượn tiền là bà Phạm Thị Ngọc M, Hồng B ký tên với tư cách là người làm chứng và người đứng tên cho mượn tiền là người ngoài xã hội do Bồ Thị Thu T thuê đóng vai người cho mượn (Nguyễn Trung K). Bồ Thị Thu T dự định sẽ bàn trước với Nguyễn Trung K hẹn Hồng B và Phạm Thị Ngọc M đến nhà Bồ Thị Thu T rồi lấy lý do Bồ Thị Thu T sắp đi nước ngoài nên giao việc cho mượn tiền cho Nguyễn Trung K để cho Nguyễn Trung K để quản lý khi Bồ Thị Thu T không có mặt ở Việt Nam. Sau khi viết xong giấy mượn tiền giữa Nguyễn Trung K và bà Phạm Thị Ngọc M (thực chất là tiền của Bồ Thị Thu T cho Hồng B mượn) thì Bồ Thị Thu T và đồng bọn giật lại giấy nợ và lấy số tiền 200.000.000 đồng cất đi và như vậy về mặt giấy tờ thì bà Phạm Thị Ngọc M sẽ nợ tiền Nguyễn Trung K 200.000.000 đồng nhưng thực chất là Hồng B nợ tiền bà Phạm Thị Ngọc M. Bồ Thị Thu T thông qua một người tên T2 (không rõ lai lịch, địa chỉ) gặp và quen với Nguyễn Trung K. Bồ Thị Thu T bàn với Nguyễn Trung K đe dọa, ép buộc Lê Thị Hồng B và Phạm Thị Ngọc M với cách thức như đã nêu trên và hứa sau khi lấy được tiền thì Bồ Thị Thu T sẽ cho Nguyễn Trung K tiền nhưng không nói số tiền cụ thể.

Thực hiện ý định trên, Bồ Thị Thu T giả vờ cho Lê Thị Hồng B mượn số tiền 200.000.000 đồng với điều kiện người đứng tên giấy mượn tiền là bà Phạm Thị Ngọc M, Hồng B ký tên với tư cách là người làm chứng. Nghe Bồ Thị Thu T nói vậy thì Hồng B nói với bà Phạm Thị Ngọc M nhờ Phạm Thị Ngọc M đứng tên giấy mượn tiền thì Phạm Thị Ngọc M đồng ý. Khoảng 11 giờ 00 phút ngày 11/10/2017 Bồ Thị Thu T kêu Hồng B và đến nhà Bồ Thị Thu T làm thủ tục mượn tiền, đồng thời Bồ Thị Thu T gọi điện cho Nguyễn Trung K đến nhà Bồ Thị Thu T trước để bàn bạc, tổ chức sắp xếp, dàn cảnh cho Phạm Thị Ngọc M ký giấy mượn tiền. Nguyễn Trung K rủ thêm Nguyễn Quang V, Ngô Minh Đ, Lưu Quốc T cùng đến nhà Bồ Thị Thu T tại khu phố B2, phường G, thị xã T thì tất cả đều đồng ý. Sau khi Nguyễn Trung K, Nguyễn Quang V, Ngô Minh Đ, Lưu Quốc T đến nhà Bồ Thị Thu T thì Bồ Thị Thu T bàn bạc cụ thể với Nguyễn Trung K, Nguyễn Quang V, Ngô Minh Đ, Lưu Quốc T giả vờ cho Hồng B mượn số tiền 200.000.000 đồng. Bồ Thị Thu T đưa số tiền 200.000.000 đồng cho Nguyễn Trung K để Nguyễn Trung K đứng ra với tư cách là người cho mượn tiền, Nguyễn Trung K viết giấy mượn tiền và yêu cầu Phạm Thị Ngọc M ký tên, lăn tay vào mục người mượn tiền, Hồng B ký tên và lăn tay vào mục người làm chứng. Sau khi Nguyễn Trung K viết giấy mượn tiền và cho Hồng B, Phạm Thị Ngọc M ký lăn tay thì Nguyễn Trung K giữ giấy mượn tiền này, đồng thời Bồ Thị Thu T dùng tay gạt số tiền 200.000.000 đồng để sẵn trên bàn để Nguyễn Quang V cất số tiền này vào túi xách của Nguyễn Quang V mang sẵn trên người để không cho Hồng B và Phạm Thị Ngọc M lấy tiền và đuổi Hồng B, Phạm Thị Ngọc M ra khỏi nhà Bồ Thị Thu T. Bồ Thị Thu T nói để tránh Hồng B và Phạm Thị Ngọc M thấy đông người nghi ngờ nên kêu hai người vào núp chờ sẵn trong phòng ngủ của Bồ Thị Thu T kế bên phòng khách và sẽ gọi ra hỗ trợ đuổi Phạm Thị Ngọc M và Hồng B về. Sau khi sắp xếp xong thì Bồ Thị Thu T vào phòng ngủ lấy số tiền 200.000.000 đồng gồm 4 cọc, loại mệnh giá 500.000 đồng để trên bàn nơi Nguyễn Trung K, Nguyễn Quang V, Bồ Thị Thu T đang ngồi. Bồ Thị Thu T đưa giấy (loại giấy tập học sinh) và cây viết cho Nguyễn Trung K để Nguyễn Trung K viết giấy mượn tiền như đã bàn bạc. Đồng thời Bồ Thị Thu T gọi điện cho Hồng B và Phạm Thị Ngọc M đến nhà Bồ Thị Thu T để Bồ Thị Thu T cho mượn tiền. Khi Hồng B và Phạm Thị Ngọc M đến nhà Bồ Thị Thu T thì Nguyễn Trung K viết giấy mượn tiền mặt với số tiền 200.000.000 đồng, trong thời hạn 30 ngày thì trả hết số tiền này. Sau khi viết xong thì Nguyễn Trung K ký vào mục “người cho mượn tiền”, Nguyễn Trung K đưa cho Phạm Thị Ngọc M viết tên, ký và lăn tay vào mục “người mượn tiền”, Hồng B viết tên, ký và lăn tay mục “người làm chứng”. Sau khi Nguyễn Trung K cho Phạm Thị Ngọc M và Hồng B ký tên, lăn tay vào giấy mượn tiền thì Nguyễn Trung K giật tờ giấy này. Đồng thời Bồ Thị Thu T dùng tay gạt số tiền trên bàn sang chỗ Nguyễn Quang V đang ngồi, Nguyễn Quang V lấy số tiền bỏ vào túi (sau khi đuổi Phạm Thị Ngọc M và Hồng B về thì Nguyễn Quang V đã đưa lại số tiền này cho Bồ Thị Thu T). Thấy vậy, Phạm Thị Ngọc M và Hồng B lờ qua tiếng lại với Bồ Thị Thu T và Nguyễn Trung K vì đã ký giấy mượn tiền mà không được nhận tiền theo giấy đã ký, Bồ Thị Thu T nói số tiền 200.000.000 đồng này Bồ Thị Thu T lấy mà không đưa cho Phạm Thị Ngọc M

và Hồng B, đồng thời yêu cầu Phạm Thị Ngọc M và Hồng B nhanh chóng trả cho Nguyễn Trung K số tiền 200.000.000 đồng. Khi Phạm Thị Ngọc M lấy điện thoại ra gọi báo cho Công an và người thân đến giúp thì Bồ Thị Thu T giật lấy điện thoại của Phạm Thị Ngọc M đưa cho Nguyễn Trung K giữ (sau khi Nguyễn Thị Ngọc M bị đuổi ra về thì Nguyễn Trung K đã trả cho Nguyễn Thị Ngọc M). Ngay lúc này, Nguyễn Quang V đến phòng ngủ của Bồ Thị Thu T gọi Ngô Minh Đ và Lưu Quốc T ra hỗ trợ đuổi Phạm Thị Ngọc M và Hồng B ra khỏi nhà Bồ Thị Thu T. Ngô Minh Đ nắm tay Hồng B, Lưu Quốc T nắm tay Phạm Thị Ngọc M kéo và xô đẩy Hồng B và Phạm Thị Ngọc M ra khỏi nhà Bồ Thị Thu T. Nguyễn Quang V lớn tiếng yêu cầu Phạm Thị Ngọc M và Hồng B ra khỏi nhà Bồ Thị Thu T. Nguyễn Trung K lên tiếng hăm dọa yêu cầu Phạm Thị Ngọc M, Hồng B trong thời hạn 10 ngày phải trả đủ số tiền ghi trong giấy nợ 200.000.000 đồng. Sau đó vào ngày 12/10/2017, Bồ Thị Thu T dẫn đường chỉ nhà Phạm Thị Ngọc M và Hồng B cho Nguyễn Trung K biết địa chỉ để nhằm đòi nợ cho Bồ Thị Thu T. Nguyễn Trung K chạy xe mô tô biển số 51T1-16789 của Nguyễn Trung K chở Nguyễn Quang V đi theo Bồ Thị Thu T đến nhà Phạm Thị Ngọc M và Hồng B, Bồ Thị Thu T nói với Nguyễn Trung K phải làm căng mới đòi được tiền.

Để tạo áp lực cho Phạm Thị Ngọc M và Hồng B, Nguyễn Trung K đã sử dụng số điện thoại 01634836661 và số 0966161861 nhiều lần nhắn tin gửi Phạm Thị Ngọc M và Hồng B đe dọa, điển hình như tin nhắn ngày 13/10/2017, Nguyễn Trung K nhắn gửi Phạm Thị Ngọc M với nội dung “Tôi cho 2 bà thời hạn 10 ngày kể từ ngày hôm nay để trả số tiền nợ tôi. Sau 10 ngày tôi không nhận được tiền thì đừng trách tôi ác”; tin nhắn Nguyễn Trung K gửi cho Hồng B với nội dung dùng xăng đốt nhà, bắt cóc hai mẹ con bà Hồng B, giết con bà Hồng B, giết bà Hồng B. Ngày 13/10/2017, Nguyễn Trung K và Nguyễn Quang V dùng sơn màu đỏ pha với xăng tạt vào nhà Hồng B tại địa chỉ 74/1 khu phố I B, phường G, thị xã T. Sau đó Nguyễn Trung K cùng với Nguyễn Quang V, Ngô Minh Đ, Lưu Quốc T nhiều lần đến nhà Hồng B, nhà Phạm Thị Ngọc M đi qua, đi lại để gây áp lực đòi tiền như nêu trên. Ngày 16/10/2017, Nguyễn Trung K cùng với Ngô Minh Đ, Nguyễn Quang V và tên N1 (chưa rõ lai lịch, địa chỉ) đi đến nhà Hồng B và Phạm Thị Ngọc M nhưng thấy khóa cửa nên dùng keo 502 đổ vào ổ khóa để cho không mở được ổ khóa. Ngày 30/10/2017, Nguyễn Trung K đến nhà bà Phạm Thị Ngọc M đưa cho bà Phạm Thị Ngọc M bản phô tô giấy mượn tiền 200.000.000 đồng và yêu cầu bà Phạm Thị Ngọc M trả số tiền này.

Trong quá trình Bồ Thị Thu T và Lê Thị Hồng B nói chuyện qua lại về việc đòi tiền nợ, Hồng B đã ghi âm và thể hiện trong Biên bản trích xuất nội dung ghi âm số 92A/BB-PC54 và 92B/BB-PC54 cùng ngày 05/11/2018 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bình Dương.

Do bị đe dọa, gây áp lực nên Lê Thị Hồng B và Phạm Thị Ngọc M gửi đơn đến Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Bình Dương tố giác hành vi của Bồ Thị Thu T và đồng phạm.

Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Bình Dương đã khởi tố vụ án, khởi tố bị can và bắt tạm giam Nguyễn Trung K, Bò Thị Thu T và Nguyễn Quang V và chuyển hồ sơ đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã T giải quyết theo thẩm quyền.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 148/2019/HS-ST ngày 26/6/2019 của Tòa án nhân dân thị xã T, tỉnh Bình Dương đã quyết định:

Áp dụng:

- Điểm a khoản 3 Điều 170; Điều 47; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017):

Tuyên bố bị cáo Bò Thị Thu T phạm tội “Cuồng đoạt tài sản”.

Xử phạt bị cáo Bò Thị Thu T 09 (chín) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 19/11/2017.

Bản án sơ thẩm còn tuyên phạt: Nguyễn Trung K 07 (bảy) năm 06 (sáu) tháng tù; Nguyễn Quang V 05 (năm) năm 03 (ba) tháng tù; Ngô Minh Đ 03 (ba) năm tù, cho hưởng án treo về tội “Cuồng đoạt tài sản”.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về xử lý vật chứng, biện pháp tư pháp, án phí và quyền kháng cáo.

Ngày 02/7/2019, bị cáo Bò Thị Thu T kháng cáo kêu oan, bị cáo cho rằng bị cáo không thực hiện hành vi cưỡng đoạt tài sản của bị hại.

Tại phiên tòa, bị cáo vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa trình bày quan điểm giải quyết vụ án: Về thời hạn kháng cáo, đơn kháng cáo của bị cáo Bò Thị Thu T đúng theo thời hạn luật định nên Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương đưa vụ án ra xem xét theo thủ tục phúc thẩm là đúng theo thẩm quyền và quy định của pháp luật. Tại phiên tòa, bị cáo cho rằng bà Hồng B nợ bị cáo số tiền 180.000.000 đồng, mục đích của bị cáo là đòi lại số tiền nợ nhưng bị cáo đã thực hiện sai cách. Bà B nợ bị cáo là có thật, bị cáo không chiếm đoạt tài sản thuộc quyền sở hữu của bị hại, do đó, bị cáo không phạm tội. Xét thấy, bị cáo cho rằng bị cáo không thực hiện hành vi chiếm đoạt, bị cáo chỉ muốn đòi lại số tiền 200.000.000 đồng mà bà Hồng B đã nợ bị cáo. Tuy nhiên, bị cáo thừa nhận cách thức bị cáo đòi tiền, bị cáo đã phân công cho Nguyễn Trung K là người cho mượn tiền và đưa cho Nguyễn Trung K số tiền 200.000.000 đồng, người mượn tiền là bà Phạm Thị Ngọc M; bà Hồng B ký tên với vai trò là người chứng kiến. Sau khi bà Nguyễn Thị Ngọc M ký tên, lăn tay thì Bò Thị Thu T gạt số tiền 200.000.000 đồng trên bàn vào túi xách và giật lấy giấy mượn tiền. Sau đó, Nguyễn Trung K, Ngô Minh Đ, Lưu Quốc T, Nguyễn Quang V đuổi bà Phạm Thị Ngọc M và bà Hồng B ra khỏi nhà; Nguyễn Trung K hăm dọa yêu cầu bà Phạm Thị Ngọc M, Hồng B trong vòng 10 ngày phải trả đủ số tiền 200.000.000 đồng ghi trong giấy mượn tiền. Ngoài ra, Nguyễn Trung K còn nhắn tin cho bà Phạm Thị Ngọc M với nội dung đe dọa, bắt cóc, dùng xăng đốt nhà, đe dọa giết bà Hồng B và con bà Hồng B. Trong các ngày 13/10/2017 và

30/10/2017, Nguyễn Trung K, Nguyễn Quang V, Ngô Minh Đ đã có hành vi tạt xăng pha sơn màu đỏ, đổ keo 502 vào ổ khóa nhà của bà Hồng B và bà Nguyễn Thị Ngọc M. Tại phiên tòa phúc thẩm, Nguyễn Trung K, Nguyễn Quang V và Ngô Minh Đ khai nhận toàn bộ nội dung vụ việc, lời khai của những người tham gia tố tụng khác phù hợp với lời khai của họ tại phiên tòa sơ thẩm, phù hợp với nhau và là chứng cứ để chứng minh bị cáo Bồ Thị Thu T là người chủ mưu, phân công điều hành các bị cáo khác nhằm mục đích cưỡng đoạt tài sản của bà Mai, bà Hồng B với số tiền 200.000.000 đồng. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử và xử phạt bị cáo 09 năm tù về tội “Cưỡng đoạt tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 170 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) là đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật. Bị cáo kháng cáo kêu oan nhưng không cung cấp được chứng cứ nào khác để chứng minh bị cáo bị oan. Do đó, không có cơ sở để chấp nhận kháng cáo của bị cáo, đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

Người bào chữa cho bị cáo Bồ Thị Thu T trình bày: Người bào chữa cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm có sai lầm nghiêm trọng về việc áp dụng pháp luật. Hành vi của Bồ Thị Thu T không cấu thành hành vi phạm tội “Cưỡng đoạt tài sản” xét về mặt khách quan, chủ quan, khách thể, chủ thể. Vì bị cáo không có hành vi dùng vũ lực, đe dọa dùng vũ lực đối với bị hại; bị cáo không buộc bị hại phải giao tài sản thuộc quyền sở hữu của bị hại cho bị cáo chiếm đoạt. Bị cáo chỉ buộc bị hại phải trả lại số tiền mà bị hại đã nợ bị cáo. Đây là giao dịch dân sự và bị cáo đòi nợ không đúng quy định pháp luật nên bị cáo Bồ Thị Thu T không phạm tội “Cưỡng đoạt tài sản”. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Bồ Thị Thu T không phạm tội “*Cưỡng đoạt tài sản*” theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 170 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Trường hợp Tòa án cấp phúc thẩm xét thấy cần thiết hủy vụ án sơ thẩm để điều tra lại thì đề nghị thay đổi biện pháp ngăn chặn đối với bị cáo, chuyển từ biện pháp tạm giam sang biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú.

Tại phiên tòa, bà Lê Thị Hồng B và bà Phạm Thị Ngọc M trình bày nội dung vụ án đúng với nội dung bản án sơ thẩm. Bị hại cho rằng hành vi của các bị cáo đã làm ảnh hưởng đến tinh thần, cuộc sống bình thường của bị hại. Tuy nhiên, các bị hại không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường về trách nhiệm dân sự, về trách nhiệm hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo Thảo.

Nguyễn Trung K, Nguyễn Quang V, Ngô Minh Đ là bị cáo trong vụ án, đã bị xử phạt theo quyết định của bản án hình sự sơ thẩm, các bị cáo không có kháng cáo. Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo bị triệu tập tham gia phiên tòa với tư cách là người tham gia tố tụng khác. Tại phiên tòa, Nguyễn Trung K, Nguyễn Quang V, Ngô Minh Đ trình bày sự việc như nội dung của bản án sơ thẩm, các bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội và chấp nhận mức hình phạt mà Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên phạt.

Trong phần tranh luận và lời nói sau cùng, bị cáo mong Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo, bị cáo không phạm tội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về nội dung vụ án: Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có tại hồ sơ và lời khai của Nguyễn Trung K, Nguyễn Quang V và Ngô Minh Đ tại phiên tòa, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để nhận định: Vào khoảng 11 giờ ngày 11/10/2017, tại nhà bị cáo Bồ Thị Thu T tại khu phố B2, phường G, thị xã T, tỉnh Bình Dương, nhằm mục đích chiếm đoạt tài sản của bà Lê Thị Hồng B và Phạm Thị Ngọc M, bị cáo Bồ Thị Thu T đã bàn bạc với Nguyễn Trung K, Nguyễn Quang V, Ngô Minh Đ, Lưu Quốc T tổ chức sắp xếp, dàn cảnh cho Hồng B mượn số tiền 200.000.000 đồng: Bồ Thị Thu T là người đưa số tiền 200.000.000 đồng cho Nguyễn Trung K để Nguyễn Trung K cho bà Hồng B mượn nhưng với điều kiện người ký tên trên giấy mượn tiền phải là bà Phạm Thị Ngọc M. Khi bà Phạm Thị Ngọc M ký tên, lăn tay trên giấy mượn tiền thì Nguyễn Trung K giật lấy giấy mượn tiền và Bồ Thị Thu T giữ lại số tiền 200.000.000 đồng. Sau đó, Ngô Minh Đ, Lưu Quốc T dùng vũ lực để đuổi bà Phạm Thị Ngọc M và bà Hồng B ra khỏi nhà Bồ Thị Thu T. Nguyễn Trung K có hành vi nhắn tin đe dọa và cùng Nguyễn Quang V, Ngô Minh Đ và tên N1 (chưa rõ nhân thân, lai lịch) dùng xăng pha sơn đỏ tạt vào nhà bị hại, dùng keo 502 đổ vào ổ khóa nhà bị hại để gây áp lực cho các bị hại, buộc các bị hại phải trả tiền cho bị cáo trong thời hạn 10 ngày.

[2] Xét kháng cáo kêu oan của bị cáo Bồ Thị Thu T: Hội đồng xét xử xét thấy, bà Lê Thị Hồng B có nợ bị cáo Bồ Thị Thu T số tiền 180.000.000 đồng, khi bị cáo cho bà Hồng B mượn tiền thì số tiền trên thuộc quyền sở hữu của bà B. Đây là giao dịch dân sự nên khi bị cáo muốn đòi lại số tiền cho mượn thì bị cáo có thể khởi kiện bà Hồng B bằng một vụ án dân sự. Tuy nhiên, vì mục đích lấy lại số tiền, bị cáo đã bàn bạc với Nguyễn Trung K, đưa tiền cho Nguyễn Trung K để Nguyễn Trung K cho bà Hồng B mượn nhưng với điều kiện bà Phạm Thị Ngọc M phải là người đứng tên mượn tiền; nhằm mục đích chuyển khoản tiền bà Hồng B nợ Bồ Thị Thu T sang bà Hồng B nợ bà Phạm Thị Ngọc M. Để thực hiện được mục đích đó, Nguyễn Trung K xúi giục, lôi kéo thêm Nguyễn Quang V (là người chưa đủ 18 tuổi) và Ngô Minh Đ, Lưu Quốc T cùng thực hiện hành vi. Khi bà Phạm Thị Ngọc M ký tên lăn tay vào giấy mượn tiền, lúc này số tiền 200.000.000 đồng thuộc quyền sở hữu của bà Phạm Thị Ngọc M, thì Bồ Thị Thu T và các đồng phạm đã giật giấy mượn tiền và giữ lại số tiền 200.000.000 đồng, đồng thời dùng vũ lực, lời lẽ đe dọa đối với bà Phạm Thị Ngọc M và bà Hồng B. Hành vi trên đã đủ cấu thành tội “Cưỡng đoạt tài sản”. Sau đó, các bị cáo Nguyễn Trung K, Nguyễn Quang V và các đồng phạm khác còn thực hiện các hành vi dùng xăng pha sơn màu đỏ tạt vào nhà bị hại, đổ keo 502 vào ổ khóa nhà bị hại, đe dọa tinh thần các bị hại và buộc các bị hại phải trả số tiền nợ trong thời gian 10 ngày. Đây là hành vi “Cưỡng đoạt tài sản”, số tiền mà các bị cáo cưỡng đoạt là 200.000.000 đồng.

Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo Bồ Thị Thu T về tội “*Cưỡng đoạt tài sản*” với tình tiết định khung “*Chiếm đoạt tài sản trị giá từ 200.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 đồng*” theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 170 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) là đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật.

Hội đồng xét xử xét thấy, bị cáo Bồ Thị Thu T là người có đầy đủ năng lực nhận thức, nhận thức được hành vi dùng thủ đoạn buộc bà Lê Thị Hồng B và bà Phạm Thị Ngọc M ký giấy mượn tiền, đồng thời bị cáo lấy lại số tiền 200.000.000 đồng là hành vi trái pháp luật, nhưng vẫn thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý, có bàn bạc, phân công, có tính tổ chức, nhưng ở mức giản đơn. Khi quyết định hình phạt, Tòa án cấp sơ thẩm đã đánh giá xem xét đầy đủ các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo, đánh giá tính chất, mức độ phạm tội của bị cáo để quyết định mức hình phạt 09 (chín) năm tù về tội “*Cưỡng đoạt tài sản*” là tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo. Bị cáo kháng cáo kêu oan nhưng không cung cấp được chứng cứ nào khác để chứng minh nên Hội đồng xét xử không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

[4] Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương về việc giải quyết vụ án là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Như đã phân tích ở trên, trình bày của người bào chữa cho bị cáo là không phù hợp nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[5] Các phần khác của quyết định án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật.

[6] Án phí hình sự phúc thẩm: Bị cáo Bồ Thị Thu T phải nộp theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355 và Điều 356 Bộ luật Tổ tụng hình sự năm 2015;

1. Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Bồ Thị Thu T; giữ nguyên quyết định của Bản án hình sự sơ thẩm số 148/2019/HS-ST ngày 26/6/2019 của Tòa án nhân dân thị xã T, tỉnh Bình Dương.

Tuyên bố bị cáo Bồ Thị Thu T phạm tội “*Cưỡng đoạt tài sản*”.

Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 170; Điều 47; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017):

Xử phạt bị cáo Bồ Thị Thu T 09 (chín) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 19/11/2017.

2/ Về án phí hình sự phúc thẩm: Áp dụng Điều 136 của Bộ luật Tổ tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban

Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Bị cáo Bồ Thị Thu T phải nộp 200.000 đồng.

3/ Các phần khác của quyết định án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- | | |
|---------------------------------|---|
| - VKSND tỉnh Bình Dương; | 1 |
| - TAND thị xã T; | 2 |
| - VKSND thị xã T; | 1 |
| - Chi cục THADS thị xã T; | 1 |
| - Phòng PV06 - Công an tỉnh BD; | 1 |
| - Công an thị xã T; | 1 |
| - Sở Tư pháp tỉnh Bình Dương; | 1 |
| - Bị cáo; | 1 |
| - Lưu: Tổ HCTP, HSVA, Tòa HS. | 3 |

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Huỳnh Đức